TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST Ngày 29 tháng 12 năm 2023 V/v xin ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tráng A Tếnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cầm Văn Tổ

2. Ông Hà Văn Sơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên toà*:* Bà Nguyễn Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 ngày 10 ngày 2023 về xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị N, sinh năm 1987. NĐKHKTT: Xóm Suối Khách, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1975. NĐKHKTT: Tiểu khu 3/2, xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 10 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Dương Thị N trình bày như sau:

Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau từ năm 2006, do cả hai cùng tự nguyện không bên nào bị ép buộc và có đi đăng ký kết hôn theo quy định và đã được UBND xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận vào ngày 05/04/2006, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cũng không được hòa thuận hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh H nghiện ma túy, không tu trí làm ăn, hay đánh đập vợ, không chung thủy với vợ, vợ chồng sảy ra mâu thuẫn anh H lại đay nghiến nguyền rủa chị. Cuộc sống vợ chồng căng thẳng ngột ngạt. Mặc dù hai bên gia đình cũng đã khuyên bảo cho hai bên nhưng không thành. Đến tháng 7/2022 anh chị đã sống ly thân. Nay chị xác định không thể tiếp tục cuốc sống chung này được nữa. Đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Quang Dương, sinh ngày 29/12/2006. Hiện tại cháu đang ở cùng với chị N và bà ngoại. Nếu ly hôn, chị N có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Dương. Nếu được nuôi dưỡng chị không yêu cầu anh H pH cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Về tài sản chung vợ chồng: Chị chị không yêu cầu Tòa án tòa án xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: Không có.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị N giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, và đề nghị Tòa án giao con chung cho chị nuôi dưỡng.

Tại biên bản ghi ý kiến của con chung chưa thành niên trên 07 tuổi, cháu Cháu Nguyễn Quang Dương, sinh ngày 29/12/2006 có nguyện vọng ở cùng với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý và giấy triệu tập cho bị đơn anh Nguyễn Văn H về địa chỉ tiểu khu 3/2, xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn. Tuy nhiên, anh H không có mặt tại Tòa án làm việc và không gửi văn bản thể hiện ý kiến về việc chị Dương Thị N xin ly hôn với anh. Tòa án đã tiến hành xác minh, xác định anh Nguyễn Văn H đã nhận được các thông báo của Tòa án nhưng không đến Tòa án làm việc. Căn cứ Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành xác minh theo quy định về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, về con chung và tài sản chung, nợ chung của chị N và anh H. Đồng thời, đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân

sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn, bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn đã biết việc Tòa án triệu tập nhưng không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định: Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Dương Thị N và anh Nguyễn Văn H. Về con chung, giao con chung cho chị Dương Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Chị N không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này. Về nợ chung: Chị N xác nhận không có nợ chung, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề này. Về án phí: Nguyên đơn pH chịu án phí xin ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Dương Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Nguyễn Văn H có nơi đăng ký hộ khẩu tại: Tiểu khu 3/2, xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình với quan hệ pháp luật tranh chấp xin ly hôn là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng cho bị đơn theo địa chỉ nguyên đơn cung cấp. Qua xác minh xác định bị đơn đã biết được nội dung chị N xin ly hôn tại Tòa án, thời gian và địa điểm Tòa án triệu tập làm việc thông qua bố mẹ đẻ của anh H nhưng bị đơn cố tình không có mặt tại Tòa án, không gửi văn bản thể hiện ý

kiến, quan điểm về việc khởi kiện cho Tòa án có căn cứ xem xét giải quyết vụ án. Trước phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh H và chị N.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Dương Thị N và anh Nguyễn Văn H tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2006, anh chị đã được UBND xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/04/2006 . Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cũng không được hạnh phúc. Theo chị N, mâu thuẫn là do anh H sử dụng ma túy, chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không được nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ nhau. Tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt nên đến đầu năm 2022 vợ chồng đã sống ly thân. Qua xác minh tại Ban quản lý tiểu khu 3/2, xã Cò Nòi nơi anh chị chung sống khi mới kết hôn: Chị N và anh H kết hôn với nhau vào năm 2006 sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống cũng bố mẹ anh H ở tiểu khu 3/2, xã Cò Nòi. Khi chung sống ở tiểu anh H cũng đã pH đi cai nghiện. Sau đó đến khoảng năm 2020 thì vợ chồng về Thái Nguyên làm công nhân. Nhưng khẩu vẫn ở tiểu khu 3/2 và vẫn tham gia đóng góp các khoản phí của tiểu khu. Đại diện gia đình anh H khẳng định vợ chồng có mâu thuẫn một phần cùng do anh H nghiện ma túy, vợ chồng hay cãi cọ. Việc chị N có đơn xin ly hôn với anh H, anh H có biết nhưng bận đi làm nên không có mặt tại Tòa án. Hội đồng xét xử thấy rằng, anh H đã biết chị N xin ly hôn nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm, chị N cương quyết xin ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không hạnh phúc, trong thời gian sống ly thân anh chị không còn quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị N, xử cho chị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

[2.2] Về con chung: Các tài liệu chị N cung cấp và xác định của gia đình anh H khẳng định trong thời gian hôn nhân, chị N và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Quang Dương, sinh ngày 29/12/2006. Trong thời gian ly thân, cháu Dương sống cùng mẹ. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Dương, đề nghị Tòa án giao cháu Dương cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cháu Nguyễn Quang Dương, sinh ngày 29/12/2006 cho chị Dương Thị N trực tiếp chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận việc chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn khẳng định không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị N pH chịu án phí xin ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Dương Thị N và anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quang Dương, sinh ngày 29/12/2006. Cho chị Dương Thị N trực tiếp chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Chấp nhận việc chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Sau khi ly hôn, anh H được quyền thăm nom con theo quy định, không ai được cản trở anh H được thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị N pH chịu án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền Tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000233 ngày 30 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

6.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

7.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều

9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
-UBND xã Cò Nòi ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tráng A Tếnh